TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN X** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-12-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Mạnh Quyết

2. Ông Trần Văn Nhị

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện X, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06/10/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/11/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Trúc Ph, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp NT, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp 3, xã LT, Huyện X, tỉnh Long An.

(Bà Lê Thị Trúc Ph có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Đức V vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc Ph trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà và ông V kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT ngày 30/6/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tình cảm. Ông V có người phụ nữ khác. Bà và ông V đã ly thân từ năm 2019 (khi đó bà đang mang thai). Nay thấy không thể hàn gắn được nên xin ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông V có 01 con chung tên Nguyễn Minh Đ sinh ngày

09/01/2020 hiện đang sống chung với bà ở ấp NT, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An, đang học trường mẫu giáo TĐ. Bà đi làm công nhân thu nhập mỗi tháng khoảng hơn 7.000.000 đồng đủ điều kiện nuôi con. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Đức V trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có văn bản ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà Ph, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Lê Thị Trúc Ph nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức V. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện X theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Lê Thị Trúc Ph có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Đức V vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Ông V vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".

Căn cứ lời trình bày của bà Ph và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Ph và ông V được pháp luật công nhận là vợ chồng. Ông bà đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Ông V không đưa ra được giải pháp hàn gắn hôn nhân và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án thể hiện ông V không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà Ph. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng. Bà Ph kiên quyết xin ly hôn với ông V và

xác định không còn tình cảm với ông nên yêu cầu xin ly hôn của bà Ph là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Bà Ph và ông V có 01 con chung tên Nguyễn Minh Đ sinh ngày 09/01/2020, hiện đang sống với bà Ph. Nhằm không làm thay đổi hoàn cảnh sống, ảnh hưởng đến sự phát triển của tâm lý trẻ nên cần giao bé Nguyễn Minh Đ cho bà Ph nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ph không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông V được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung: Bà Ph xác định bà và ông V không có nợ chung. Cho đến nay, không có ai khởi kiện về việc nợ chung của bà Ph và ông V nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Bà Ph xác định không có. Ông V không có phản hồi về phần tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà Ph là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ông V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trúc Ph về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Nguyễn Đức V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Trúc Ph được ly hôn với ông Nguyễn Đức V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh Đ sinh ngày 09/01/2020 cho bà Lê Thị Trúc Ph nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Đức V không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Lê Thị Trúc Ph không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông Nguyễn Đức V được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Trúc Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001204, ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện X, tỉnh Long An. Bà Lê Thị Trúc Ph đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Đức V không phải chịu án phí.

4. Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND Huyện X;
- CCTHADS Huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã LT;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng